TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ HUẾ** TỈNH THỪA THIÊN HUẾ	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 454/2017/QĐST-HNGĐ	*Thành phố Huế, ngày 20 tháng 9 năm 2017*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ việc hôn nhân gia đình thụ lý số 409/2017/TLST-HNGĐ ngày 31 tháng 8 năm 2017, giữa:

Người yêu cầu: 1. Anh **Trần Nguyễn Nguyên T**, sinh năm: 1968; địa chỉ: 2/81 Nguyễn H, phường P, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế.

2. Chị **Lê Thị Diễm T,** sinh năm: 1971; địa chỉ: 2/81 Nguyễn H, phường P, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế.

Căn cứ vào Điều 212, Điều 213 và Điều 397 của Bộ luật tố tụng dân sự 2015;

Căn cứ vào các điều 55, 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình 2014;

Căn cứ vào Điều 37 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 12 tháng 9 năm 2017,

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 12 tháng 9 năm 2017 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa anh Trần Nguyễn Nguyên T và chị Lê Thị Diễm T.

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về con chung: Anh Trần Nguyễn Nguyên T và chị Lê Thị Diễm T xác nhận có 02 con chung:

(1) Trần Lê Diễm Tr, sinh ngày: 22/4/1999. Hiện đã trưởng thành.

(2) Trần Lê Đăng K, sinh ngày: 25/8/2005

Cháu Trần Lê Diễm Tr đã trưởng thành nên việc ở với ai do cháu quyết định. Anh Trần Nguyễn Nguyên T và chị Lê Thị Diễm T thoả thuận giao cháu Trần Lê Đăng Khoa cho chị Lê Thị Diễm T trực tiếp chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng cho đến tuổi trưởng thành; Anh Trần Nguyễn Nguyên T cấp dưỡng nuôi con 2.000.000 đồng/tháng kể từ tháng 10/2017 cho đến khi cháu Khoa tròn 18 tuổi.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án, nếu người phải thi hành án không chịu thi hành án đủ khoản tiền nói trên thì hàng tháng phải chịu thêm một khoản tiền lãi theo quy định tại Khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự tương ứng với số tiền và thời gian chưa thi hành án.

Trường hợp quyết định được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, được bổ sung theo Luật sửa đổi, bổ sung Luật Thi hành án dân sự năm 2014, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự và Điều 7a, 7b Luật sửa đổi, bổ sung Luật Thi hành án dân sự năm 2014, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 luật thi hành án dân sự.

- **Về tài sản chung**: Anh Trần Nguyễn Nguyên T và chị Lê Thị Diễm T tự thoả thuận phân chia, không yêu cầu Toà án giải quyết.

- **Về nợ chung:** Anh Trần Nguyễn Nguyên T và chị Lê Thị Diễm T khai không có.

- **Về án phí**: Anh Trần Nguyễn Nguyên T và chị Lê Thị Diễm T phải chịu 300.000 đồng tiền lệ phí ly hôn, anh chị đã nộp đủ theo Biên lai số 003062 ngày 31 tháng 8 năm 2017 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Huế.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- VKSND TP H;
- TAND Tỉnh Thừa Thiên Huế;
- Chi cục THADS TP H;
- Các đương sự;
- UBND phường P, tp H;
(**ĐKKH vào ngày 29/4/1997, số 30, quyển số 01/97**)
- Lưu dán;
- Lưu.

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HUẾ
THẨM PHÁN

Thái Thị Hồng Vân